UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH GIANG
PHÒNG VĂN HÓA -XÃ HỘI

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG

Tháng 9 năm 2026

STT	Thông tin đối tượng			
	Họ và Tên	Năm sinh	Thôn/ xã	Thông tin loại đối tượng
1	Nguyễn Văn Tuấn	01/01/1960	Bì Đổ	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên
2	Nguyễn Văn Lẩn	12/03/1934	Bì Đổ	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên
3	Đào Huy Tạo	10/10/1954	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
4	Vũ Ngọc Hà	06/01/1956	Hạ bì	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
5	Nguyễn Văn Đồng	01/01/1945	Bì Đổ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
6	Đào Huy Môn	22/12/1952	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
7	Đỗ Xuân Thiềng	28/12/1952	Bì Đổ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
8	Trần Văn Xô	01/01/1948	Hạ bì	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
9	Phạm Văn Tuyển	01/01/1940	Bì Đổ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
10	Nguyễn Đình Tẩu	04/04/1951	Hạ bì	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
11	Đào Văn Thi	15/12/1949	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21- 41%
12	Nguyễn Văn Thông	01/02/1947	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
13	Nguyễn Văn Bạch	12/03/1954	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
14	Bùi Thanh Nghị	01/04/1953	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
15	Đỗ Xuân Đình	30/09/1954	Hạ bì	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
16	Phạm Văn Đương	01/01/1950	Bì Đổ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
17	Đào Huy Bình	10/10/1954	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
18	Nguyễn Văn Lạng	01/05/1954	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
19	Phạm Phú Dương	25/05/1957	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
20	Phạm Tiến Luật	04/10/1941	Bì Đổ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
21	Nguyễn Đình Trường	14/04/1956	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
22	Hà Văn Bảo	15/5/1957	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
23	Lê Xuân Toả	01/08/1960	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
24	Phạm Đình Lữu	22/07/1938	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
25	Nguyễn Văn Huệ	12/06/1938	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
26	Phạm Văn Bổng	01/01/1931	Bì Đổ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
27	Đỗ Xuân Lạng	07/09/1952	Hạ bì	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
28	Vũ Đức Thuần	14/04/1956	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
29	Nguyễn Văn Hiến	17/05/1952	Bì Đổ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
30	Lê Đức Dung	12/03/1959	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
31	Đỗ Khắc Bảng	20/10/1957	Hạ bì	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
32	Nguyễn Văn Đức	02/10/1950	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
33	Nguyễn Văn Mỳ	05/03/1951	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
34	Phạm Phú Đãn	20/05/1959	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
35	Vũ Đức Thông	16/08/1957	Ô Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%

36	Hà Hồng Tuấn	12/11/1947	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
37	Nguyễn Thái Bình	16/09/1955	Cam Xá	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
38	Nguyễn Xuân Độ	09/12/1954	Hạ Bì	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
39	Vũ Đức Thành	04/04/1951	Ô Xuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
40	Đào Huy Tam	10/08/1943	Ô Xuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
41	Đào Huy Sơn	05/05/1956	Ô Xuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
42	Đào Huy Đê	20/08/1954	Ô Xuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
43	Nguyễn Văn Quang	01/10/1961	Cam Xá	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
44	Nguyễn Tiến Tới	12/06/1954	Cam Xá	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
45	Nguyễn Văn Đát	02/05/1957	Bì Đổ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
46	Trần Bá Thi	07/02/1957	Ô Xuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
47	Vũ Xuân Thường	10/12/1958	Ô Xuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
48	Lê Đức Chơ	15/12/1954	Ô Xuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
49	Vũ Đức Thiển	15/05/1958	Ô Xuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
50	Nguyễn Thành Vịnh	10/08/1954	Bì Đổ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
51	Lê Đức Chờ	01/01/1951	Ô Xuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%
52	Nguyễn Mạnh Thắng	04/08/1953	Hạ bì	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
53	Nguyễn Thị Bài	15/10/1950	Bì Đổ	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%
54	Phạm Đình Cơ	25/02/1957	Cam Xá	QĐ 62 Có từ đủ 15 đến dưới 16 năm CT
55	Phạm Đình Khớ	03/08/1930	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
56	Đỗ Xuân Quí	05/02/1950	Hạ bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
57	Nguyễn Văn Phương	10/03/1947	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
58	Nguyễn Văn Kỳ	25/07/1947	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
59	Nguyễn Quốc Ấn	13/07/1952	Hạ Bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
60	Phạm Hồng Hải	01/05/1950	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
61	Vũ Văn Tẻ	01/03/1952	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
62	Hoàng Trọng Điển	26/08/1948	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
63	Lương Viết Cử	01/01/1954	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
64	Nguyễn Văn Hưởng	05/01/1952	Hạ Bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
65	Vũ Văn Cốm	10/07/1954	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
66	Phạm Đình Minh	28/08/1954	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
67	Nguyễn Văn Gạo	05/12/1954	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
68	Dương Văn Mích	01/01/1`947	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
69	Phạm Phú Kế	23/04/1957	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
70	Vũ Sỹ Phú	10/09/1955	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
71	Nguyễn Tiến Lợi	10/10/1942	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
72	Đào Xuân Thắng	01/12/1948	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
73	Nguyễn Đình Thuật	01/06/1955	Hạ bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
74	Nguyễn Huy Thông	10/10/1957	Hạ bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
75	Nguyễn Đức Luân	20/06/1954	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
76	Trần Văn Xoa	01/01/1955	Hạ bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
77	Nguyễn Văn Tùy	01/01/1949	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
78	Phạm Văn Mít	01/01/1952	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
79	Nguyễn Văn Hiển	03/01/1946	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
80	Phạm Văn Dung	19/01/1954	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%

81	Đào Huy Hể	20/05/1952	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
82	Phạm Văn Tín	23/05/1943	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
83	Nguyễn Văn Mạ	07/09/1927	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
84	Đào Văn Sy	01/02/1942	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
85	Lê Đức Tiền	01/01/1957	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
86	Nguyễn Cương Quyết	19/05/1955	Hạ bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
87	Nguyễn Văn Cố	25/06/1955	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
88	Bùi Ngọc Mên	19/04/1956	Hạ bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
89	Phạm Phú Phòng	06/06/1956	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
90	Lê Đức Kiền	20/05/1954	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
91	Trần Bá Lai	10/0/6/1949	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
92	Vũ Văn Chiều	12/01/1954	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
93	Nguyễn Ngọc Tài	14/07/1`952	Hạ Bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
94	Vũ Đức Chí	05/03/1952	Hạ Bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
95	Nguyễn Văn Hưởng	15/08/1954	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
96	Lê Minh Thanh	05/02/1954	Cam Xá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
97	Phạm Đức Miến	09/01/1951	Hạ Bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
98	Dương Văn Dụng	12/02/1955	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
99	Đỗ Phú Bình	13/03/1952	Hạ Bì	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
100	Nguyễn Văn Hiến	17/05/1952	Bì Đổ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
101	Vũ Xuân Đạo	09/06/1952	Ô Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
102	Trần Thị Lý	07/03/1966	Ô Xuyên	Tuất bố liệt sỹ (QĐ T6)
103	Vũ Thị Mêm	10/10/1943	Ô Xuyên	Tuất bố liệt sỹ
104	Phạm Thị Ươm	01/01/1937	Bì Đổ	Tuất 1 liệt sỹ
105	Nguyễn Thị Tiến	04/01/1947	Bì Đổ	Tuất 1 liệt sỹ
106	Vũ Thị Dịu	01/01/1934	Hạ Bì	Tuất 1 liệt sỹ
107	Đỗ Thị Chiên	01/01/1957	Cam Xá	Tuất 1 liệt sỹ
108	Nguyễn Thị Thỷ	01/01/1941	Ô Xuyên	Tuất 1 liệt sỹ
109	Vũ Thị Lên	02/10/1943	Ô Xuyên	Tuất 1 liệt sỹ
110	Vũ Thị Mùi	05/10/1942	Cam Xá	Tuất 1 liệt sỹ
111	Phạm Thị Luyến	20/06/1941	Ô Xuyên	Tuất 1 liệt sỹ
112	Bùi Thị Quánh	25/08/1928	Ô Xuyên	Tuất 1 liệt sỹ
113	Nguyễn Đình Trại	01/02/1930	Hạ Bì	Tuất 1 liệt sỹ
114	Bùi Thị Hoạt	01/01/1923	Ô Xuyên	Tuất 1 liệt sỹ
115	Nguyễn Thị Diễn	04/04/1930	Ô Xuyên	Tuất 1 liệt sỹ
116	Vũ Thị Tuy	05/05/1949	Cam Xá	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
117	Phạm Thị Giỏi	01/01/1938	Bình Thuận	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
118	Nguyễn Thị Gái	01/01/1942	Hạ Bì	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
119	Vũ Thị Khá	26/08/1962	Bì Đổ	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
120	Nguyễn Thị Phòng	20/11/1941	Bì Đổ	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
121	Đỗ Thị Biết	01/01/1948	Hạ Bì	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
122	Nguyễn Thị Mộng	10/10/1938	Thôn Bì Đổ	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
123	Lê Thị Xê	12/05/1935	Cam Xá	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
124	Trần Thị Mưa	01/01/1937	Hạ Bì	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
125	Dương Thị Nga	01/01/1933	Hạ bì	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB

126	Phạm Thị Liên	08/03/1957	Ô Xuyên	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
127	Trần Thị Vạn	01/01/1944	Ô Xuyên	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
128	Nguyễn Thị Thao	03/09/1955	Hạ Bì	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
129	Đồng Thị Lời	10/01/1946	Cam Xá	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
130	Vũ Thị Chỉnh	01/01/1957	Ô Xuyên	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
131	Nguyễn Thị Đón	03/05/1958	Bì Đổ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
132	Phạm Thị Hàn	01/01/1946	Thôn Bì Đổ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
133	An Thị Cư	20/04/1957	Cam Xá	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
134	Đỗ Thị Bằng	01/01/1944	Cam Xá	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
135	Nguyễn Thị Phúc	01/01/1957	Cam Xá	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
136	Phạm Thị Sáng	01/10/1938	Hạ bì	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
137	Phạm Thị Hiền	01/01/1944	Bì Đổ	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
138	Nguyễn Thị Gái	01/01/1941	Bì Đổ	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
139	Nguyễn Thị Khuê	10/01/1958	Ô Xuyên	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
140	Phạm Thị Dịu	29/07/1987	Bì Đổ	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% - 80%
141	Lê Thị Thuý	16/03/1981	TP Hải Dươn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% - 80%
142	Đỗ Xuân Kiên	29/09/1981	Hạ bì	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% - 80%
143	Phạm Thị Diễm	9/12/1993	Bì Đổ	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% - 80%
144	Đào Thị Hương	06/07/1984	Cam Xá	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% - 80%
145	Nguyễn Thị Thương	19/10/1981	Ô Xuyên	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% - 80%
146	Phạm Văn Thật	26/12/1`979	Bì Đổ	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% - 80%
147	Trần Văn Tin	09/05/1970	Hạ Bì	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
148	Phạm Văn Thưởng	15/03/1983	Bì Đổ	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
149	Nguyễn Thị Lương	10/10/1960	Bì Đổ	Người phục vụ TB-TBB 81% trở lên
150	Nhữ Thị Chia	18/06/1958	Bì Đổ	Người phục vụ TB-TBB 81% trở lên
151	Hà Thị Cà	01/06/1957	Cam Xá	Người phục vụ người nhiễm CĐHH trên 81%
152	Nguyễn Văn Thành	10/05/1953	Trinh Nữ	TB 81% + Người PV -TB 81% trở lên
153	Vũ Quang Ân	1940	Phú Bùi	TB 57%
154	Nguyễn Bá Phan	20/10/1956	Phú Đa	TB 61%
155	Trần Văn Tín	10/04/1948	Trinh Nữ	TB 45%
156	Trần Quang Phục	1939	Phú Đa	TB 51%
157	Trương Văn Trường	1954	Lôi Trì	TB 45%
158	Vũ Đình Điện	01/07/1933	Lôi Trì	TB 44%
159	Nguyễn Quyết Thắng	05/08/1952	Lôi Khê	TB 41%
160	Nguyễn Văn Hùng	03/08/1952	Lôi Khê	TB 41%
161	Trần Công Luận	01/01/1947	Phú Đa	TB 41%
162	Đỗ Đức Thọ	01/01/1958	Phú Đa	TB 41%
163	Vũ Văn Hiện	09/11/1964	An Dật	TB 23%
164	Nguyễn Văn Xá	02/02/1958	An Dật	TB 27%
165	Vũ Đức Ký	03/02/1943	Phú Đa	TB 31%
166	Vũ Quang Phu	03/03/1949	Phú Đa	TB31%
167	Bùi Ngọc Hải	20/03/1948	Trinh Nữ	TB32%
168	Phạm Văn Chung	01/06/1958	Trinh Nữ	TB23%
169	Nguyễn Đình Sùng	1949	Lôi Trì	TB 25%
170	Lê Bá Nhất	1958	Lôi Trì	TB 31%

171	Vũ Đức Chất	1968	An Dật	TBB 30%
172	Lê Văn Lưu	1962	Trinh Nữ	TB25%
173	Nguyễn Văn Dỹ	20/10/1942	Lôi Khê	TB 21%
174	Nguyễn Ngọc Lan	15/10/1942	Trinh Nữ	TB 21%
175	Nguyễn Xuân Lập	15/03/1954	Lôi Trì	TB 22%
176	Lâm Đình Quý	19/05/1952	Phú Bùi	TB 22%
177	Nguyễn Đình Khi	05/05/1948	Lôi Trì	TB 21%
178	Vũ Duy Nhật	30/06/1949	Phú Bùi	TB22%
179	Nguyễn Văn Mây	1946	Trinh Nữ	TB21%
180	Phạm Văn Điều	1960	Lôi Trì	TB 21%
181	Trần Trọng Văn	1960	Lôi Khê	TB 21%
182	Nguyễn Văn Thắng	1951	Lôi Trì	TB 61% + CĐHH41%
183	Vũ Đình Tạo	19/11/1952	Lôi Trì	TB 21% + CĐHH41%
184	Vũ Xuân Thì	12/09/1949	Trinh Nữ	TB21% + CĐHH41%
185	Vũ Xuân Minh	1954	Lôi Khê	TB41% + CĐHH41%
186	Vũ Văn Tự	1947	Lôi Khê	TB 67% + CĐHH41%
187	Đỗ Thái Thăng	1944	Trinh Nữ	TB21% + CĐHH41%
188	Trần Quang Đệ	1957	Phú Đa	BB 61%
189	Trần Văn Huynh	1954	Phú Đa	BB 61%
190	Nguyễn Văn Quân	02/02/1946	Lôi Trì	BB 61%
191	Nguyễn Minh Chung	02/03/1950	Lôi Trì	BB 61%
192	Vũ Đình Duyệt	12/10/1939	Lôi Trì	BB 61%
193	Vũ Đức Lệ	01/03/1954	An Dật	BB61%
194	Phạm Hồng Trường	01/01/1954	An Dật	BB61%
195	Vũ Phương Đồng	1956	Lôi Khê	BB 61%
196	Trương Thế Văn	03/02/1955	Lôi Trì	BB 65%
197	Vũ Đình Hòa	1954	Phú Bùi	BB61%
198	Nguyễn Hữu Cầu	1942	Lôi Trì	BB 61%
199	Đỗ Đình Trường	1956	Lôi Trì	BB 61%
200	Trần Văn Xuyên (Anh)	03/05/1952	Trinh Nữ	BB55%
201	Đỗ Văn Bản	1956	Trinh Nữ	BB55%
202	Lê Văn Trí	1954	Trinh Nữ	BB55%
203	Trần Văn Khởi	07/07/1956	Lôi Khê	BB 41%
204	Cù Chính Tiềm	1946	Lôi Trì	BB 41%
205	Phạm Văn Thoại	1953	Trinh Nữ	BB75%
206	Nguyễn Văn Đám	1955	An Dật	BB71%
207	Lê Bá Phác	08/03/1953	Trinh Nữ	BB68% +TB21%
208	Vũ Xuân Bộ	10/10/1959	Trinh Nữ	BB61% +TB21%
209	Vũ Phương Dục	05/09/1951	Lôi Khê	BB 61% +TB25%
210	Nguyễn Xuân Lập	03/04/1952	Lôi Khê	BB 61% +TB22%
211	Trần Quang Thà	12/04/1945	Phú Đa	BB41% + CĐHH41%
212	Nguyễn Tiến Cư	25/05/1958	Lôi Khê	BB 61% +TB31%
213	Phạm Văn Vụ	27/07/1957	An Dật	BB61% +TB45%
214	Nguyễn Hồng Sáng	02/02/1943	Lôi Khê	BB 71% + TB25%
215	Vũ Thị Toan	2/5/1954	Lôi Trì	CĐHH 35%

216	Nguyễn Văn Cải	1/1/1954	Trinh Nữ	CĐHH 35%
217	Phạm Đình Quyện	25/02/1938	Lôi Trì	CĐHH35%
218	Trần Xuân Đạt	07/04/1954	Phú Đa	CĐHH 35%
219	Nguyễn Văn Hòa	08/09/1954	Phú Đa	CĐHH 35%
220	Nguyễn Tụy	01/01/1940	Lôi Khê	CĐHH41%
221	Vũ Quang Báu	22/02/1955	Phú Đa	CĐHH 41%
222	Triệu Quang Nguyên	20/02/1948	Lôi Trì	CĐHH41%
223	Đào Văn Thú	24/06/1954	Lôi Trì	CĐHH41%
224	Vũ Mạnh Đông	10/08/1950	Phú Bùi	CĐHH 41%
225	Vũ Xuân Quyền	12/08/1946	Phú Bùi	CĐHH 41%
226	Nguyễn Hoài Chúc	1949	Lôi Trì	CĐHH 41%
227	Vũ Đình Bình	1954	Lôi Trì	CĐHH 41%
228	Vũ Tuấn Đa	1945	Lôi Trì	CĐHH41%
229	Nguyễn Hồng Hà	25/03/1954	Trinh Nữ	CĐHH61%
230	Dương Thị Châm	1955	Lôi Khê	CĐHH41%+ CĐHH 41% thái
231	Vũ Thị Toán	1953	Phú Bùi	CĐHH 81%
232	Nguyễn Thị Thưng	01/01/1938	Trinh Nữ	T Liệt sĩ
233	Vũ Thị Nhung	1932	Phú Bùi	T Liệt sĩ
234	Nguyễn Thị Thính	1940	An Dật	T Liệt sĩ
235	Trần Thị Nhớn	1922	Lôi Trì	T Liệt sĩ
236	Vũ Thị Bè	1957	Lôi Trì	T Liệt sĩ
237	Lê Thị Mầu	01/07/1943	Trinh Nữ	T Liệt sĩ
238	Nguyễn Thị Tuất	1945	Lôi Khê	T Liệt sĩ
239	Phạm Thị Lĩnh	01/04/1928	Lôi Trì	Tuất LS Tái giá
240	Vũ Thị Síu	05/07/1943	Phú Đa	Tuất LS Tái giá
241	Phạm Thị Hường	18/06/1957	Phú Đa	Tuất LS Tái giá
242	Nguyễn Thị Bầu	12/07/1939	Lôi Khê	Tuất LS Tái giá
243	Vũ Thị Loan	16/09/1952	Lôi Trì	Tuất LS Tái giá
244	Vũ Thị Thúy	1963	Lôi Trì	Tuất LS Tái giá
245	Vũ Thị Lan	01/01/1958	Trinh Nữ	Tuất LS Tái giá
246	Phạm Thị Chanh	1942	Phú Bùi	Tuất LS Tái giá
247	Vũ Thị Tân	1959	Phú Đa	Tuất LS Tái giá
248	Nguyễn Thị Lứa	1947	Trinh Nữ	Tuất LS Tái giá
249	Ngô Thị Phiến	16/04/1936	Lôi Trì	Tuất LS Tái giá
250	Trần Thị Tải	1035	Phú Đa	Tuất TB,B từ 61%
251	Trần Thị Thắm	1953	Trinh Nữ	TuấtTB.B từ 61%
252	Phạm Thị Vui	1951	Lôi Trì	TuấtTB.B từ 61%
253	Nguyễn Thị Hòa	1932	Lôi Khê	TuấtTB.B từ 61%
254	Đỗ Thị Hạnh	1956	Lôi Khê	TuấtTB.B từ 61%
255	Nguyễn Thị Ngọt	1950	Trinh Nữ	Tuất TB.BTừ 61%
256	Vũ Thị Đỗ	1934	Lôi Khê	TuấtTB.B từ 61%
257	Trần Thị Kiểm	1957	Phú Đa	TuấtTB.B từ 61%
258	Hoàng Thị Dạp	5/13/1956	Lôi Khê	TuấtTB.B từ 61%
259	Nguyễn Thị Đêm	01/01/1936	Lôi Khê	TuấtTB.B từ 61%
260	Nguyễn Thị Nhàn	10/05/1958	Trinh Nữ	Tuất BB.61%

261	Phạm Thị Dùng	17/12/1946	Lôi Khê	Tuất BB 61%
262	Vũ Thị Thiêm	26/08/1947	An Dật	Tuất BB.61%
263	Nguyễn Thị Bằng	1939	Lôi Khê	Tuất BB 61%
264	Lã Thị Canh	1939	Lôi Khê	Tuất BB 61%
265	Trần Thị Tam	1953	Trinh Nữ	Tuất CĐHHtừ 61%
266	Đỗ Quang Thiệu	10/03/1936	Phú Đa	QNXN18 dưới 19 năm CT
267	Cù Thị Lan Anh	16/03/1983	Lôi Trì	Con bị DDDT Từ 61%
268	Vũ Tuấn Đạo	1983	Lôi Trì	Con bị DDDT Từ 61%
269	Triệu Thị Huyền	1983	Lôi Trì	Con bị DDDT Từ 61%
270	Nguyễn Thị Gần	1978	Phú Đa	Con bị DDDT Từ 61%
271	Vũ Thị Huyền	1978	Lôi Trì	Con bị DDDT Từ 81%
272	Vũ Xuân Môn	1979	Trinh Nữ	Con bị DDDT Từ 81%
273	Nguyễn Thị Hoa	1992	Phú Đa	Con bị DDDT Từ 81%
274	Nguyễn Văn Hảo	1984	Trinh Nữ	Con bị DDDT Từ 81%
275	Phạm Văn Đỉnh	1/1/1941	xóm 5, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên
276	Trần Huy Cống	1/1/1953	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên
277	Hoàng Công Mạch	10/7/1941	Bá Hợp	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
278	Nguyễn Văn Vẻ	8/1/1958	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
279	Nguyễn Văn Hồi	1/1/1953	xóm 4, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
280	Trần Văn Hải	3/3/1952	xóm 3, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
281	Tô Đức Hồng	3/13/1960	xóm 4, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
282	Vũ Bá Côn	11/11/146	xóm 1, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
283	Nguyễn Văn Quyền	2/23/1950	Bá Thủy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
284	Vũ Xuân Hề	1/1/1926	Bá Thủy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
285	Phạm Văn Yến	8/7/1944	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
286	Phạm Văn Bảng	3/9/1949	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
287	Trần Văn Hợi	10/10/1959	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
288	Nguyễn Hải An	5/25/1945	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
289	Vũ Quang Hải	6/1/1947	xóm 5, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
290	Vũ Văn Xuyên	3/26/1950	xóm 5, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
291	Nguyễn Văn Tiếu	6/25/1946	Bá Thủy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
292	Vũ Xuân Hồng	6/16/1960	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
293	Trần Đức Bình	3/21/1954	xóm 6, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
294	Vũ Hữu Triệu	1/1/1936	xóm 2, Cậy	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%
295	Nguyễn Văn Lia	10/20/1952	Bá Hợp	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
296	Vũ Bá Cần	4/2/1957	xóm 5, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
297	Đỗ Văn Viễn	05/05/1948	xóm 3, Cậy	TB loại A tỷ lệ 29%
298	Vũ Bá Hồng	10/16/1947	xóm 1, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
299	Trần Trọng Quế	2/20/1945	xóm 5, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
300	Phạm Hồng Thơ	2/15/1945	xóm 3, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
301	Tô Minh Đức	12/27/1960	xóm 3, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
302	Nguyễn Văn Dương	1/1/1960	Bá Thủy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
303	Trần Văn Tĩnh	8/20/1943	xóm 4, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
304	Trần Văn Kiên	5/1/1957	Bá Thủy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
305	Trần Văn Cậy	1/1/1950	Bá Hợp	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%

306	Nguyễn Hồng Phang	5/12/1950	Bá Thủy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
307	Vũ Vương Côn	12/22/1944	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
308	Tạ Kim Khánh	1/1/1945	xóm 3, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
309	Trần Văn Khanh	2/24/1948	xóm 3, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
310	Vũ Hữu Phú	4/4/1949	xóm 5, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
311	Lê Anh Hiển	12/1/1950	Bá Thủy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
312	Vũ Bá Chi	8/15/1947	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
313	Triệu Quang Quảng	10/10/1952	xóm 2, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
314	Trần Văn Biên	2/11/1946	xóm 4, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
315	Hoàng Ngọc Tuân	1/1/1938	xóm 1, Cậy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
316	Lê Văn Thanh	1/1/1940	Bá Thủy	BB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng
317	Nguyễn Hữu Sơn	1/1/1942	xóm 2, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%
318	Vũ Văn Hoà	4/6/1954	Xóm 1, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 81-90%
319	Trần Vương Quỳnh	3/6/1951	xóm 5, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
320	Vũ Đình Hải	9/15/1956	xóm 6, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 70-81%
321	Trần Văn Ngà	11/14/1956	xóm 5, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
322	Nguyễn Quang Trung	1/10/1950	Bá Thủy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
323	Vũ Đức Du	12/22/1941	Bá Hợp	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
324	Nguyễn Hải An	5/25/1945	xóm 2, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
325	Phạm Văn Biên	4/28/1955	xóm 6, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
326	Trần Đức Thiện	10/10/1948	xóm 3, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
327	Vũ Hữu Triệu	1/1/1936	xóm 2, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
328	Trần Trọng Quế	2/20/1945	xóm 5, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
329	Vũ Bá Kiệm	8/10/1952	xóm 5, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
330	Phạm Văn Nghiệp	5/14/1951	xóm 2, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
331	Nguyễn Văn Chân	10/10/1951	Bá Hợp	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
332	Trần Văn Biên	2/11/1946	xóm 4, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
333	Vũ Bá Cần	4/2/1957	xóm 5, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
334	Trần Hải Hùng	7/5/1947	xóm 3, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
335	Vũ Đình Hồng	11/10/1954	xóm 3, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
336	Hoàng Văn Lợi	12/1/1936	xóm 4, Cậy	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
337	Phan Thanh Hồng	8/18/1954	Bá Thủy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
338	Nguyễn Hồng Phang	5/12/1950	Bá Thủy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
339	Trần Huy Cống	1/1/1953	xóm 2, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
340	Lê Văn Lực	2/10/1950	Bá Thủy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
341	Lê Thanh Trực	8/5/1943	Bá Thủy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
342	Phạm Hồng Thơ	2/15/1945	xóm 3, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
343	Trần Trọng Nhuần	9/26/1954	xóm 6, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
344	Nguyễn Văn Thắng	9/10/1948	Bá Hợp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
345	Vũ Vương Côn	12/22/1944	xóm 2, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
346	Vũ Bá Côn	11/11/1946	Xóm 1, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
347	Vũ Văn Xuyên	3/26/1950	xóm 5, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
348	Trần Văn Khanh	2/24/1948	xóm 3, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
349	Vũ Quang Hải	6/1/1947	xóm 5, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
350	Nguyễn Văn Tiếu	6/25/1946	Bá Thủy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%

351	Phạm Văn Sĩ	4/4/1933	xóm 3, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
352	Vũ Quang Bốn	8/1/1940	xóm 2, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
353	Vũ Đình Toán	6/20/1957	xóm 5, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
354	Vũ Ngọc Hòa	5/7/1953	xóm 4, Cậy	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
355	Vũ Xuân Hề	1/1/1926	Bá Thủy	Tuất 1 liệt sỹ
356	Nguyễn Thị Ty	5/2/1937	xóm 4, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ
357	Vũ Thị Sản	8/28/1935	Bá Hợp	Tuất 1 liệt sỹ
358	Nguyễn Thị Tằng	3/15/1933	Bá Hợp	Tuất 1 liệt sỹ
359	Nguyễn Thị Chuột	10/23/1940	Bá Hợp	Tuất 1 liệt sỹ
360	Trần Thị Là	7/2/1939	xóm 5, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ
361	Trần Thị Soăn	1/14/1958	Bá Hợp	Tuất 1 liệt sỹ
362	Trần Thị Cửu	1/1/1935	xóm 1, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ
363	Trần Thị Nở	7/10/1934	Bình Giang	Tuất 1 liệt sỹ (ông lập)
364	Phạm Thị Thoa	1/1/1938	xóm 1, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ
365	Vũ Thị Nhỡ	1/1/1933	xóm 5, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ
366	Vũ Thị Phăn	1/1/1942	Bình Giang	Tuất 1 liệt sỹ (ông quần)
367	Vũ Bá Quần	7/10/1937	xóm 2, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ
368	Nguyễn Văn Lập	1/1/1936	xóm 2, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ
369	Vũ Thị Hải	8/5/1942	xóm 5, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
370	Phạm Thị Gái	11/10/1940	xóm 5, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
371	Vũ Thị Bạn	1/1/1931	xóm 3, Cậy	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
372	Lê Thị Tuyết Hồng Minh	3/5/1952	Bình Giang	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
373	Nguyễn Thị Hoài	6/26/1951	Bình Giang	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
374	Lê Thị Mét	5/10/1957	Bình Giang	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
375	Trần Thị Tươi	6/10/1966	Bình Giang	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
376	Trần Thị Giáo	9/23/1958	Bình Giang	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
377	Vũ Thị Đậu	1/1/1931	Bình Giang	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
378	Vũ Thị Mến	1/1/1955	Bình Giang	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
379	Trần Thị Lộc	7/10/1934	Bình Giang	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
380	Nguyễn Thị Gót	4/4/1944	Bình Giang	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
381	Vũ Thị Nga	1/1/1944	Cậy	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
382	Vũ Thị Nhàn	1/1/1940	Bình Giang	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
383	Trần Thị Thắng	27/05/1956	Bình Giang	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
384	Nguyễn Thị Hòa	1/1/1950	Bình Giang	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
385	Vũ Thị Ổn	1/1/1955	Bình Giang	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
386	Đào Thị Bấm	1/1/1955	Bình Giang	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
387	Trần Thị Phú	01/01/1943	Bình Giang	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
388	Vũ Đình Nguyên	1/1/1933	Bình Giang	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
389	Trần Trọng Đinh	8/10/1932	xóm 5, Cậy	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
390	Tạ Kim Khánh	1/1/1945	xóm 3, Cậy	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
391	Lê Hồng Toán	1/30/1956	Bình Giang	Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT
392	Tô Văn Quyền	10/23/1969	Cậy	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
393	Vũ Văn Khiêm	8/16/1982	Cậy	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
394	Vũ Đình Chính	2/8/1980	Cậy	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
395	Trần Thị Hồng	11/27/1975	Cậy	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên

396	Nguyễn Văn Dân	6/20/1979	Bá hợp	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
397	Vũ Thị Phiến	11/20/1974	Cậy	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
398	Nguyễn Tuấn Điệp	6/8/1986	Cậy	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
399	Trần Văn Điển	10/10/1983	Bá Hợp	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
400	Vũ Thị Tươi	7/15/1964	Bá hợp	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
401	Nguyễn Thị Mỵ	7/1/1968	Cậy	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
402	Vũ thị Sèng	20/11/1958	Bình Giang	Người phục vụ BB từ 81% trở lên ở gia đình
403	Lê Thị Chén	01/07/1940	Bình Giang	Người phục vụ BB từ 81% trở lên ĐBN ở gia đình
404	Trần Huy Tuynh	23/09/1978	Cậy	Người phục vụ TB từ 81% trở lên ở gia đình
405	Nguyễn Thị Mùng	10/6/1940	Bình Giang	Người phục vụ TB từ 81% trở lên ở gia đình
406	Vũ Xuân Ánh	1/1/1956	Bình An	TB Tỷ lệ 21%
407	Chu Đăng Cố	1/1/1947	Bình An	TB Tỷ lệ 21%
408	Nguyễn Duy Dũng	10/12/1958	Bình An	TB tỷ lệ 21%
409	Nghiêm Văn Hải	1/1/1968	Lý Đỏ	TB Tỷ lệ 21%
410	Đặng Xuân Hùng	10/12/1959	Bằng Giã	TB Tỷ lệ 21%
411	Vũ Văn Hương	2/2/1949	Lý Đỏ	TB Tỷ lệ 21%
412	Vũ Văn Khách	1/1/1962	Bình An	TB Tỷ lệ 21%
413	Nguyễn Văn Nhật	1/1/1959	Bình An	TB Tỷ lệ 21%
414	Phạm Văn Ba	3/27/1947	Bằng Giã	TB tỷ lệ 31%
415	Vũ Đình Bái	7/6/1947	Tân Hưng	TB tỷ lệ 31%
416	Vũ Đình Chữ	1/1/1961	Tân Hưng	TB Tỷ lệ 41%
417	Vũ Công Khang	2/4/1940	Bình An	TB tỷ lệ 45%
418	Đặng Hữu Khởi	5/16/1958	Bằng Giã	TB Tỷ lệ 23%
419	Vũ Đình Liễu	10/20/1949	Tân Hưng	TB tỷ lệ 24%
420	Vũ Đình Năm	2/10/1947	Tân Hưng	TB tỷ lệ 45%
421	Nghiêm Văn Nghị	9/7/1955	Lý Đỏ	TB tỷ lệ 41%
422	Phạm Huy Quang	1/1/1959	Bình An	TB tỷ lệ 81%
423	Lê Quang Vinh	4/17/1947	Lý Đỏ	TB tỷ lệ 81%
424	Vũ Đình Tám	1/1/1947	Tân Hưng	TB tỷ lệ 26%
425	Vũ Đình Ngát	4/29/1960	Lý Đỏ	TB tỷ lệ 61%
426	Trần Công Văn	1/1/1953	Lý Đỏ	TB tỷ lệ 26%
427	Chu Đăng Võ	4/2/1953	Bình An	TB tỷ lệ 61%
428	Phạm Văn Hào	5/5/1954	Bằng Giã	TB Tỷ lệ 41%
429	Vũ Huy Lãng	1/1/1935	Tân Hưng	TB tỷ lệ 46%
430	Vũ Hồng Lâu	1/1/1954	Tân Hưng	TB tỷ lệ 25%
431	Nguyễn Văn Chinh	1/5/1959	Bằng Giã	BBtỷ lệ 45%
432	Vũ Đình Lợi	10/5/1948	Lý Đỏ	BB tỷ lệ 21%
433	Đặng Ngọc Hoàn	1/1/1936	Bằng Giã	BB tỷ lệ 61%
434	Phạm Hữu Thược	2/8/1953	Bằng Giã	BB tỷ lệ 61%
435	Lê Hồng Sơn	1/1/1942	Lý Đỏ	BB tỷ lệ 75%
436	Tạ Sơn Đặt	2/1/1940	Lý Đỏ	BB tỷ lệ 59%
437	Đặng Đình Đễ	7/22/1958	Bình An	BB tỷ lệ 61%
438	Vũ Đình Kính	10/16/1952	Lý Đỏ	BB Tỷ lệ 61%
439	Vũ Xuân Hướng	7/1/1943	Tân Hưng	BB tỷ lệ 61%
440	Trần Đình Phúc	1/1/1954	Lý Đỏ	BB tỷ lệ 61%

441	Vũ Đình Thưởng	3/27/1954	Tân Hưng	BB tỷ lệ 61%
442	Vũ Đình Quân	6/1/1960	Tân Hưng	BB tỷ lệ 41%
443	Vũ Huy Bạn	1/1/1957	Tân Hưng	BB tỷ lệ 81% trở lên
444	Trần Đình Cao	8/7/1940	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61-80%
445	Trần Đình Cao	8/7/1940	Lý Đỏ	TB tỷ lệ 25%
446	Nguyễn Xuân Cử	4/14/1951	Bằng Giã	BB Tỷ lệ 63%
447	Nguyễn Xuân Cử	4/14/1951	Bằng Giã	TB Tỷ lệ 21%
448	Trần Đình Đạo	10/10/1944	Lý Đỏ	TB tỷ lệ 21%
449	Trần Đình Đạo	10/10/1944	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
450	Vũ Văn Giáp	7/27/1945	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
451	Phạm Văn Hào	5/5/1954	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
452	Vũ Viết Đồng	10/7/1940	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
453	Vũ Đình Hộ	1/1/1939	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
454	Nguyễn Mạnh Hùng	8/1/1955	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
455	Nguyễn Đình Kế	1/1/1949	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
456	Chu Đăng Đỉnh	4/8/1954	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
457	Vũ Văn Dự	10/15/1948	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
458	Nguyễn Đình Cập	1/1/1935	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61-80%
459	Nguyễn Thị Chinh	10/5/1952	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
460	Vũ Đình Ngọ	6/8/1944	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
461	Vũ Đình Ninh	1/2/1943	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
462	Phạm Văn Nhượng	8/20/1952	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
463	Phạm Xuân Phách	10/1/1948	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
464	Phạm Huy Phan	12/23/1943	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
465	Vũ Phú Quốc	4/10/1951	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
466	Phạm Đình Sinh	1/1/1952	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
467	Vũ Đình Sinh	1/1/1954	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
468	Vũ Đình Tám	1/1/1947	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
469	Nguyễn Duy Thích	3/15/1954	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
470	Đặng Xuân Thực	10/2/1949	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
471	Vũ Đình Triệu	7/1/1951	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
472	Trần Công Văn	1/1/1953	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
473	Nguyễn Văn Xa	1/1/1949	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
474	Phạm Huy Tới	3/17/1956	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
475	Vũ Viết Bông	1/1//1946	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61-80%
476	Phạm Thị Trong	5/18/1957	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61-80%
477	Vũ Huy Lãng	1/1/1935	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61-80%
478	Trần Đình Chúc	1/1/1953	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21-40%
479	Đặng Xuân Chưa	1/1/1949	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21-40%
480	Vũ Quý Khương	10/1/1952	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21-40%
481	Vũ Công Sáu	12/11/1956	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21-40%
482	Đặng Hữu Hòa	28/7/1954	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21-40%
483	Phạm Huy Mai	19/05/1950	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21-40%
484	Phạm Thị Bồi	1/1/1936	Lý Đỏ	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
485	Phạm Thị Dung	1/1/1943	Tân Hưng	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác

486	Hoàng Thị Hoa	25/4/1955	Bằng Giã	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
487	Nguyễn Thị Linh	1/1/1948	Tân Hưng	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
488	Cao Thị Mý	1/1/1941	Bình An	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
489	Vũ Thị Nhanh	1/1/1942	Tân Hưng	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
490	Vũ Thị Tình	1/1/1949	Bằng Giã	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
491	Nguyễn Thị Tuần	8/19/1954	Bằng Giã	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
492	Nguyễn Thị Tuất	1/1/1942	Lý Đỏ	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
493	Phạm Thị Định	1/1/1940	Tân Hưng	Tuất liệt sỹ, ĐXND
494	Phạm Thị Kiện	1/1/1936	Lý Đỏ	Tuất liệt sỹ
495	Vũ Thị Thịnh	1/1/1938	Tân Hưng	Tuất liệt sỹ
496	Vũ Thị Vãng	1/1/1939	Tân Hưng	Tuất liệt sỹ
497	Nguyễn Thị Đến	1/1/1940	Bằng Giã	Tuất liệt sỹ
498	Phạm Thị Điểm	1/1/1932	Bằng Giã	Tuất liệt sỹ
499	Nghiêm Thị Khoát	7/6/1939	Lý Đỏ	Tuất liệt sỹ
500	Phạm Thị Năm	1/1/1943	Bằng Giã	Tuất liệt sỹ
501	Bùi Thị Ngọ	4/7/1954	Bằng Giã	Tuất liệt sỹ
502	Vũ Thị Xưởng	1/1/1937	Lý Đỏ	Tuất liệt sĩ
503	Vũ Đình Ngão	1/1/1930	Lý Đỏ	Tuất liệt sỹ
504	Vũ Đình Ngão	1/1/1930	Lý Đỏ	TB tỷ lệ 65%
505	Phạm Văn Điều	5/19/1945	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
506	Phạm Văn Điều	5/19/1945	Bình An	BB tỷ lệ 61%
507	Phạm Văn Điều	5/19/1945	Bình An	TB Tỷ lệ 41%
508	Vũ Văn Đoàn	8/8/1952	Lý Đỏ	TB tỷ lệ 41%
509	Vũ Văn Đoàn	8/8/1952	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
510	Vũ Thị Hợp	11/7/1984	Lý Đỏ	Con bị DDDT từ 61-80%
511	Chu Thị Thùy Dung	4/1/1994	Bình An	Con bị DDDT từ 61-80% (con đẻ Chu Đăng Mão)
512	Chu Đăng Định	9/26/1990	Bình An	Con bị DDDT từ 61-80% (con đẻ Chu Đăng Mão)
513	Vũ Đình Lượng	8/5/1980	Tân Hưng	Con bị DDDT từ 61-80%
514	Vũ Thị Thúy Nga	1/12/1974	Tân Hưng	Con bị DDDT từ 61-80%
515	Vũ Viết Cường	6/21/1979	Lý Đỏ	Con bị DDDT từ 61-80%
516	Phạm Xuân Ngọc	1/22/1977	Bằng Giã	Con bị DDDT từ 81% trở lên
517	Phạm Hữu Dong	11/29/1983	Bằng Giã	Con bị DDDT từ 81% trở lên
518	Vũ Thị Duyên	4/10/1979	Lý Đỏ	Con bị DDDT từ 81% trở lên
519	Nguyễn Thị Khen	6/15/1963	Lý Đỏ	Người phục vụ TB 81% (Lê Quang Vinh)
520	Vũ Thị Tâm	12/13/1959	Bình An	Người phục vụ TB 81%
521	Vũ Thị Thoại	1/1/1958	Tân Hưng	Người phục vụ BB 81%
522	Phạm Quyết Chiến	1/1/1948	Bằng Giã	Quân nhân xuất ngũ từ 15 - dưới 16 năm CT
523	Vũ Hồng Chuyển	8/5/1954	Lý Đỏ	Quân nhân xuất ngũ từ 15 - dưới 16 năm CT
524	Vũ Hồng Chuyển	8/5/1954	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
525	Nguyễn Đức Hưng	8/1/1956	Bình An	Quân nhân xuất ngũ từ 15 - dưới 16 năm CT
526	Nguyễn Đức Hưng	8/1/1956	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
527	Vũ Văn Khuể	3/1/1952	Lý Đỏ	BB tỷ lệ 61%
528	Vũ Văn Khuể	3/1/1952	Lý Đỏ	TB 38%
529	Vũ Thị Le	1/1/1952	Lý Đỏ	Tuất TB từ 61% trở lên
530	Nguyễn Thị Lê	1/1/1937	Tân Hưng	Tuất TB từ 61% trở lên

531	Ngô Thị Liên	1/1/1935	Tân Hưng	Tuất TB từ 61% trở lên
532	Phạm Thị Lộc	6/27/1956	Lý Đỏ	Tuất TB từ 61% trở lên
533	Phạm Thị Giáp	1/1/1938	Tân Hưng	Tuất TB từ 61% trở lên
534	Phan Thị Phúc	6/10/1954	Lý Đỏ	Tuất BB từ 61% trở lên
535	Lê Thị Mơ	4/20/1963	Tân Hưng	Tuất BB từ 61% trở lên
536	Vũ Thị Mừng	5/10/1960	Tân Hưng	Tuất BB từ 61% trở lên
537	Nguyễn Thị Sợi	8/16/1965	Tân Hưng	Tuất BB từ 61% trở lên
538	Nguyễn Thị Cảnh	30/12/1953	Tân Hưng	Tuất BB từ 61% trở lên
539	Vũ Thị Tẻ	1/1/1937	Lý Đỏ	Tuất CĐHH trên 61%
540	Vũ Thị Thủy	1/1/1932	Tân Hưng	Tuất CĐHH trên 61%
541	Vũ Viết Nguyệt	1/1/1944	Lý Đỏ	TB Tỷ lệ 22%
542	Vũ Viết Nguyệt	1/1/1944	Lý Đỏ	Tù đày
543	Đặng Hữu Tong	1/1/1929	Bằng Giã	Tù đày
544	Chu Đăng Mão	1/1/1940	Bình An	Tù đầy
545	Chu Đăng Mão	1/1/1940	Bình An	TB tỷ lệ 61%
546	Chu Đăng Mão	1/1/1940	Bình An	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
547	Vũ Đình Miên	8/10/1936	Tân Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
548	Vũ Đình Miên	8/10/1936	Tân Hưng	TB tỷ lệ 75%
549	Vũ Viết Nghề	3/1/1952	Lý Đỏ	TB Tỷ lệ 21%
550	Vũ Viết Nghề	3/1/1952	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
551	Vũ Đình Phùng	5/19/1946	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
552	Vũ Đình Phùng	5/19/1946	Lý Đỏ	TB tỷ lệ 41%
553	Đặng Hữu Quốc	6/1/1953	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
554	Đặng Hữu Quốc	6/1/1953	Bằng Giã	BB tỷ lệ 70%
555	Phạm Trọng Tấn	4/10/1953	Bình An	BB tỷ lệ 61%
556	Phạm Trọng Tấn	4/10/1953	Bình An	TB tỷ lệ 33%
557	Vũ Viết Tính	3/18/1945	Lý Đỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
558	Vũ Viết Tính	3/18/1945	Lý Đỏ	BB tỷ lệ 61%
559	Đặng Xuân Túc	4/3/1950	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
560	Đặng Xuân Túc	4/3/1950	Bằng Giã	TB Tỷ lệ 21%
561	Phạm Xuân Thảo	1/27/1951	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
562	Phạm Xuân Thảo	1/27/1951	Bằng Giã	TB Tỷ lệ 22%
563	Phạm Văn Thước (Văn)	1/1/1951	Bằng Giã	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41-60%
564	Phạm Xuân Thước(Văn)	1/1/1951	Bằng Giã	BB tỷ lệ 49 %
	Tổng: 564			